Phụ lục 1 TIÊU CHÍ NGÔI NHÀ AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG TAI NẠN

THƯƠNG TÍCH TRẺ EM

*(Theo Quyết định số 548/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành tiêu chí Ngôi nhà an toàn phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung tiêu chí** | **Đạt tiêu chí** | **Không đạt**  **tiêu chí** |
|  | **Đảm bảo an toàn xung quanh ngôi nhà** *(8 tiêu chí; 3 tiêu chí bắt*  *buộc: 4, 5, 8)* | | |
|  | Có cửa, cổng, hàng rào chắc chắn, độ cao phù hợp với lứa tuổi của trẻ em. | Có hàng rào hoặc tường bao quanh cao tối thiểu 120cm, có cổng giữa sân và đường giao thông bên  ngoài. | Quanh nhà là ao, đường giao thông mà không có hàng rào hay tường bao  quanh. |
|  | Đường đi vào nhà và sân quanh nhà phải phù hợp, không trơn trợt và an toàn cho trẻ em. | Đường vào nhà và sân quanh nhà được lát gạch, lát xi măng hoặc  đất bằng phẳng. | Đường vào gồ ghề. |
|  | Nền nhà cao, phải có bậc thềm cho trẻ đi lên, xuống phù hợp với lứa tuổi. | Nền nhà cao cách mặt đất trên 15cm thì phải có bậc thềm, mỗi bậc thềm cao khoảng 15cm  và rộng 30cm. | Nền nhà cao cách mặt đất trên 15cm không có bậc thềm. |
|  | Xung quanh ao, hồ chứa nước, hố vôi, cống thoát nước trong khu vực nhà ở phải có hàng rào chắc chắn, đảm bảo an toàn cho trẻ em. | Có hàng rào xung quanh ao và hố vôi (khi đang sử dụng), lấp hố vôi khi hết sử dụng. Cống thoát nước phải có nắp. Bờ rào cao ít nhất 120cm, khoảng cách giữa các thanh từ 10-15 cm, không rào  thanh ngang. | Ao, hố vôi không được rào, cống để hở. Hàng rào không đảm bảo quy định. |
|  | Giếng nước, bể nước hoặc các đồ dùng chứa nước khác phải có nắp đậy an toàn. | Phải có nắp đậy, nắp đậy đủ độ lớn để che hết mặt giếng hoặc dụng cụ chứa nước, phải làm bằng vật chắc chắn, đủ nặng để trẻ  không nhấc được. | Giếng nước, bể nước, các đồ dùng chứa nước không có nắp đậy. |
|  | Bụi rậm xung quanh ngôi nhà phải được phát quang sạch sẽ. | Nhà có trồng cây làm hàng rào phải được phát quang. | Nhà có trồng cây làm  hàng rào không được phát quang. |
|  | Vật nuôi trong nhà phải được | Vật nuôi phải được | Để vật nuôi đặc biệt |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung tiêu chí** | **Đạt tiêu chí** | **Không đạt**  **tiêu chí** |
|  | nuôi giữ đảm bảo an toàn cho trẻ. | xích hoặc có rọ mõm, được giữ trong chuồng hoặc luôn để xa trẻ nhỏ  hoặc không có vật nuôi. | là chó thả tự do, không có rọ mõm, để trẻ chơi đùa với chó,  mèo. |
|  | Những dụng cụ, đồ dùng nguy hiểm hoặc vật chứa chất độc hại nguy hiểm phải để trong kho chứa đồ an toàn. | Các đồ dùng như thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng để trên giá cao, trong kho; cuốc, xẻng để trong kho hoặc ở nơi trẻ không lui tới chơi  đùa. | Để hóa chất thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, cuốc, xẻng… bừa bãi. |
| **I** | **Đảm bảo an toàn các phòng trong ngôi nhà** *(8 tiêu chí; 2 tiêu chí bắt buộc: 9, 15)* | | |
|  | Cửa sổ phải có chấn song, các thanh dọc chắn chắc và khoảng cách đảm bảo trẻ không chui qua  được. | Chấn song cửa sổ cao tối thiếu 75 cm, khoảng cách giữa các chấn  song từ 10-15 cm. | Khoảng cách giữa các thanh lớn hơn 15cm hoặc cửa sổ  không có chấn song. |
| 0 | Cửa sổ, cửa đi phải có móc áp sát tường để trẻ khi chạy nhảy  không va quyệt, vướng mắc. | Có móc. | Không có móc. |
| 1 | Cánh cửa phòng phải có dụng cụ chặn khe cửa để trẻ em không bị kẹp tay khi đóng, mở  cửa. | Có dụng cụ chặn khe. | Không có dụng cụ chặn khe. |
| 2 | Sử dụng các loại kính lắp an toàn. Công trình cao tầng hoặc nơi có mật độ người qua lại nhiều sử dụng kính chịu lực hoặc kính hai lớp và không có khe hở đề phòng trẻ em thò tay  qua. | Cửa có lắp kính an toàn. | Kính nứt hoặc vỡ. |
| 3 | Sử dụng gạch chống trơn, chống trượt để lát nền phòng tắm. Sàn phòng tắm và khu vệ sinh đảm bảo không đọng  nước. | Sử dụng gạch chống trơn, sàn nhà tắm và khu vệ sinh không đọng nước. | Không sử dụng gạch chống trơn. Sàn nhà tắm và khu vệ sinh đọng nước. |
| 4 | Khu vực nhà tắm đặc biệt là nhà tắm có thiết kế bồn tắm nằm và khu nhà vệ sinh luôn được đóng cửa an toàn sau khi  sử dụng. | Có cửa đóng, có khóa hoặc móc cửa. | Không có cửa hoặc không có khóa, móc cửa. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung tiêu chí** | **Đạt tiêu chí** | **Không đạt**  **tiêu chí** |
| 5 | Khu nhà bếp phải riêng biệt, có cửa ngăn và có khóa để trẻ dưới 6 tuổi không tiếp xúc  được với bếp lửa, bình ga. | Có khu bếp riêng hoặc có tấm ngăn với bếp, bình ga để trong tủ bếp,  bếp để trên bệ cao. | Không có khu bếp riêng hoặc bình ga để ngoài, bệ đặt bếp  thấp. |
| 6 | Rào chắn an toàn xung quanh bếp nếu bếp trên sàn nhà. | Có rào quây quanh khu bếp nếu bếp để trên sàn cùng nơi sinh hoạt ăn, ngủ hoặc không cho trẻ  nhỏ chơi gần bếp. | Không có rào chắn hoặc không để ở khu vực riêng biệt cách xa nơi sinh hoạt, vui  chơi của trẻ. |
| **II** | **Đảm bảo an toàn về điện** *(4 tiêu chí; 4 tiêu chí bắt buộc)* | | |
| 7 | Dây dẫn điện phải đi ngầm trong tường hoặc có vỏ bọc  chắc chắn nếu đi bên ngoài. | Dây điện đi ngầm hoặc có vỏ bọc. | Dây để trần. |
| 8 | Các công tắc điều khiển, cầu chì, ổ cắm được lắp đặt ngoài tầm với của trẻ dưới 6 tuổi và phải có hộp hay lưới bảo vệ hoặc có nắp đậy an toàn. | Chiều cao công tắc: 1,2m. Nếu để thấp phải có nắp đậy ở lỗ cắm hoặc dán băng dính ở lỗ cắm khi không sử dụng hoặc không cho trẻ  dưới 6 tuổi chơi gần. | Để thấp dưới 1,2m. Nếu để thấp không có nắp đậy hay băng dính dán vào ổ cắm điện, cho trẻ dưới 6 tuổi chơi gần ổ điện. |
| 9 | Phải sử dụng các loại đèn có phần vỏ ngoài bằng vật liệu cách điện tại các phòng trong ngôi nhà. | Đèn chỉ số cấp độ bảo vệ II (cấp bảo vệ II: Bộ đèn không cần nối đất, do đã có lớp vỏ cách  điện phía ngoài ). | Không đảm bảo theo quy định. |
| 10 | Không đặt ổ cắm điện trong phòng vệ sinh, nhà tắm, nếu có phải đặt sau cầu chì/Ap-to-mat và ở vị trí an toàn ngoài tầm với của trẻ em dưới 6 tuổi. | Theo quy định, nếu đặt ổ cắm trong phòng vệ sinh, nhà tắm phải có nắp đậy hoặc băng dính dán khi không sử dụng hoặc để trên cao 1,2m hoặc có cửa có khóa, móc và luôn đóng cửa. | Không theo quy định. Nếu có ổ cắm trong nhà tắm ở dưới 1,2m hoặc không có nắp đậy hay băng dính dán khi không sử dụng hoặc không có cửa nhà vệ sinh có khóa, móc và mở cửa trẻ em dưới 6 tuổi có thể tự vào nhà vệ  sinh. |
| **V** | **Đảm bảo an toàn cầu thang, lan can** *(6 tiêu chí: 2 tiêu chí bắt buộc: 21, 22)* | | |
|  | Cầu thang phải có lan can, tay | Chiều cao của bậc | Chiều cao và chiều |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung tiêu chí** | **Đạt tiêu chí** | **Không đạt**  **tiêu chí** |
| 1 | vịn chắc chắn. Bậc cầu thang có chiều cao, bề mặt rộng phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ  em. | thang <190 mm, rộng tối thiểu 250 mm. | rộng của bậc thang không đảm bảo theo quy định. |
| 2 | Khoảng cách giữa các thanh dọc của lan can cầu thang đảm bảo trẻ em dưới 6 tuổi không chui lọt và không có các thanh ngang để trẻ em sử dụng trèo  qua. | Kẽ hở giữa các thanh dọc lan can cầu thang không đút vừa quả cầu có đường kính  <100mm, không bố trí  thanh ngang. | Không đảm bảo một trong 2 điều kiện trên. |
| 3 | Đối với công trình thiết kế cầu thang hở, độ hở giữa các bậc thang phải đảm bảo an toàn trẻ không chui lọt. Mặt bậc có gờ  chống trượt. | Độ hở giữa các bậc  <100mm, có gờ chống trượt hoặc làm bằng vật liệu không trơn. | Không đảm bảo một trong 2 điều kiện trên. |
| 4 | Có cửa chắn ở đầu hoặc cuối cầu thang nếu ngôi nhà có trẻ dưới 6 tuổi. | Có cửa chắn hoặc đã cải tạo để chắn không cho trẻ tự do đi xuống khi không có người trông giữ; hoặc luôn có  người trông giữ trẻ. | Không có cửa chắn hoặc chưa cải tạo hoặc trẻ không có người trông giữ. |
| 5 | Tay vịn lan can đảm bảo chiều cao từ 900mm trở lên, tay vịn phải là chỗ tựa chắc chắn và  cho phép nắm chặt được. | Đảm bảo theo quy định. | Không đảm bảo theo quy định. |
| 6 | Lan can phải chắc chắn tại các cạnh của sàn, ban công, lô gia, mái (bao gồm cả giếng trời và các lỗ mở khác) và các nơi  khác có người đi lại. | Chiều cao đảm bảo tối thiểu là 1.100mm, từ tầng 6 phải đảm bảo cao tối thiểu là 1.400  mm. | Không đảm bảo các quy định. |
|  | **Đảm bảo an toàn đồ dùng gia đình** *(5 tiêu chí; 3 tiêu chí bắt buộc: 27, 30, 31)* | | |
| 7 | Phích nước phải có hộp đựng hoặc dây đai giữ và để ở vị trí an toàn ngoài tầm với của trẻ  dưới 6 tuổi. | Sử dụng phích an toàn và để ở vị trí trẻ dưới 6 tuổi không với tới. | Không sử dụng phích đảm bảo an toàn hoặc để ở vị trí trẻ có  thể với tới. |
| 8 | Đèn, diêm và bật lửa để nơi ngoài tầm với của trẻ dưới 6 tuổi. | Để ngoài tầm với của trẻ (để trong tủ có cửa, khóa hoặc để vị trí cao  trên 1,2m). | Không đảm bảo. |
| 9 | Tủ treo đựng bát đĩa và đồ dùng luôn chắc chắn. | Đảm bảo theo quy định. | Không đảm bảo. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung tiêu chí** | **Đạt tiêu chí** | **Không đạt**  **tiêu chí** |
| 0 | Các loại thuốc được để trong tủ đựng thuốc và để ở vị trí ngoài tầm với của trẻ em dưới 6 tuổi. | Có tủ thuốc hoặc hộp đựng thuốc trên cao hoặc không vứt thuốc bừa bãi. | Tủ thuốc hoặc hộp đựng thuốc để trong tầm với của trẻ, để thuốc bừa bãi bên  ngoài. |
| 1 | Dao, kéo và vật sắc nhọn dùng để cắt để ngoài tầm với của trẻ dưới 6 tuổi. | Có giá để dao kéo hoặc cất nơi trẻ dưới 6 tuổi không lấy được. | Để dao, kéo và vật sắc nhọn trên bàn ăn, dưới sàn nhà hoặc ở thấp trẻ dưới 6 tuổi  có thể với được. |
| **I** | **Một số quy định an toàn khác** *(2 tiêu chí; 1 tiêu chí bắt buộc: 32)* | | |
| 2 | Không cho trẻ nhỏ chơi các đồ chơi nhỏ hoặc các vật nhỏ dễ nuốt. | Không có các vật nhỏ dễ nuốt. | Cho trẻ chơi hoặc để các vật nhỏ, đồ chơi nhỏ trên sàn nhà mà trẻ có thể nuốt được. |
| 3 | Có thiết kế đường đi nội bộ, nhà vệ sinh phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ em khuyết tật nếu có trẻ em khuyết tật sống trong ngôi nhà. | Có đường đi cho trẻ khuyết tật vận động (nếu gia đình có trẻ khuyết tật sinh sống). | Không có đường đi cho trẻ khuyết tật (nếu gia đình có trẻ khuyết tật sinh sống). |

Phụ lục 2

BẢNG KIỂM ĐỊNH NGÔI NHÀ AN TOÀN NĂM 2022

*(Gia đình tự đánh giá)*

- Huyện: Hữu Lũng

- Xã: Tân Thành

- Tên chủ hộ: ………………………………………………………......

- Số trẻ em trong hộ gia đình: ………………………….........................

- Số trẻ em dưới 06 tuổi: ………………………………….....................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các tiêu chí ngôi nhà an toàn** | **Đạt** | **Không đạt** |
| 1 | Có cửa, cổng, hàng rào chắc chắn, độ cao phù hợp với lứu tuổi  của trẻ em |  |  |
| 2 | Đường đi vào nhà và sân quanh nhà phải phù hợp, không trơn  trượt và an toàn cho trẻ em |  |  |
| 3 | Nền nhà cao phải có bậc thềm cho trẻ lên xuống phù hợp với  lứa tuổi |  |  |
| 4 | Xung quanh ao, hố chứa nước, hố vôi, cống thoát nước trong khu vực nhà ở phải có hàng rào chắc chắn đảm bảo an toàn  cho trẻ em |  |  |
| 5 | Giếng nước, bể nước hoặc các đồ dùng chứa nước khác phải  có nắp đậy an toàn |  |  |
| 6 | Xung quanh ngôi nhà phải được phát quang |  |  |
| 7 | Vật nuôi trong nhà phải được nuôi giữ đảm bảo an toàn cho  trẻ |  |  |
| 8 | Những dụng cụ, đồ dùng nguy hiểm hoặc vật chứa chất độc  hại nguy hiểm phải để trong kho chứa đồ an toàn |  |  |
| 9 | Cửa sổ phải có chấn song, các thanh dọc chắc chắn và khoảng  cách đảm bảo trẻ không chui qua được |  |  |
| 10 | Cửa sổ, cửa đi phải có móc áp sát vào tường để trẻ khi chạy  nhảy không va quệt, vướng mắc |  |  |
| 11 | Cánh cửa phòng phải có dụng cụ chặn khe cửa để trẻ em  không bị kẹp tay khi đóng, mở cửa |  |  |
| 12 | Sử dụng các loại kính lắp an toàn. Công trình cao tầng hoặc  nơi có mật độ người qua lại lớn sử dụng kính chịu lực hoặc kính hai lớp và không có khe hở đề phòng trẻ em thò tay qua |  |  |
| 13 | Sử dụng gạch chống trơn, chống trượt để lát nền phòng tắm.  Sàn phòng tắm và khu vệ sinh phải đảm bảo không đọng nước |  |  |
| 14 | Khu vực nhà tắm, đặc biệt là nhà tắm có thiết kế bồn tắm nằm  và khu vệ sinh luôn được đóng cửa an toàn sau khi sử dụng |  |  |
| 15 | Khu bếp phải riêng biệt, có cửa ngăn và có khóa để trẻ dưới  06 tuổi không tiếp xúc được với bếp lửa, bình ga |  |  |
| 16 | Rào chắn an toàn xung quanh bếp nếu bếp trên sàn nhà |  |  |
| 17 | Dây dẫn điện phải được đi ngầm trong tường hoặc có vỏ bọc |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | chắc chắn nếu đi bên ngoài |  |  |
| 18 | Các công tắc điều khiển, cầu chì, ổ cắm được lắp đặt ngoài tầm với của trẻ dưới 06 tuổi và phải có hộp hay lưới bảo vệ  hoặc có nắp đậy an toàn |  |  |
| 19 | Phải sử dụng các loại đèn có phần vỏ ngoài bằng vật liệu cách  điện tại các phòng trong ngôi nhà |  |  |
| 20 | Không đặt ổ cắm điện trong phòng vệ sinh, nhà tắm, nếu có phải đặt sau cầu chì/aptomat và ở vị trí an toàn ngoài tầm với  của trẻ dưới 06 tuổi |  |  |
| 21 | Cầu thang phải có lan can, tay vịn chắc chắn. Bậc cầu thang có  chiều cao, bề mặt rộng phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ em |  |  |
| 22 | Khoảng cách giữa các thanh dọc của lan can cầu thang đảm bảo trẻ em dưới 06 tuổi không chui lọt và không có các thanh  ngang để trẻ em sử dụng trèo qua |  |  |
| 23 | Đối với công trình thiết kế cầu thang hở, độ hở giữa các bậc thang phải đảm bảo an toàn trẻ không chui lọt. Mặt bậc có gờ chống  trượt |  |  |
| 24 | Có cửa chắn ở đầu hoặc cuối cầu thang nếu ngôi nhà có trẻ  dưới 06 tuổi |  |  |
| 25 | Tay vịn lan can đảm bảo chiều cao từ 900mm trở lên, tay vịn  phải là chỗ tựa chắc chắn và cho phép nắm chặt được |  |  |
| 26 | Lan can phải chắc chắn tại các cạnh của sàn, ban công, lô gia,  mái (bao gồm cả giếng trời và các lỗ mở khác) và các nơi khác có người qua lại |  |  |
| 27 | Phích nước phải có hộp đựng hoặc dây đai giữ và để ở vị trí  an toàn ngoài tầm với của trẻ dưới 06 tuổi |  |  |
| 28 | Đèn, diêm và bật lửa, để nơi ngoài tầm với của trẻ dưới 06  tuổi |  |  |
| 29 | Tủ treo đựng bát đĩa và đồ dùng luôn chắc chắn |  |  |
| 30 | Các loại thuốc được để trong tủ đựng thuốc và để ở vị trí  ngoài tầm với của trẻ em dưới 06 tuổi |  |  |
| 31 | Dao, kéo và các vật sắc nhọn dùng để cắt để ngoài tầm với của  trẻ dưới 06 tuổi |  |  |
| 32 | Không cho trẻ nhỏ chơi các đồ chơi nhỏ hoặc các vật nhỏ dễ nuốt |  |  |
| 33 | Có thiết kế đường đi nội bộ, nhà vệ sinh phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ em khuyết tật nếu có trẻ em khuyết tật sống trong  ngôi nhà |  |  |
| **Đánh giá Ngôi nhà an toàn** | |  |  |

*…… Ngày …… tháng …… năm …*

Chủ hộ gia đình

*(Ký ghi rõ hộ tên)*

***\* Ghi chú:***

*- Đánh dấu “X” vào tiêu chí đạt/không đạt*

- Ngôi nhà an toàn là ngôi nhà đảm bảo không có trẻ em bị tai nạn thương tích tại nhà và đạt 23/33 tiêu chí theo quy định (trong đó có 15 tiêu chí bắt buộc: 4, 5, 8, 9, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 27, 30, 31, 32)

- Đối với các ngôi nhà không có cầu thang thì toàn bộ các tiêu chí: 21 ,22 ,23, 24, 25 được coi là đạt.

**UBND XÃ TÂN THÀNH Phụ lục 3**

BIỂU TỔNG HỢP SỐ HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHÍ "NGÔI NHÀ AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG TAI NẠN

THƯƠNG TÍCH TRẺ EM” NĂM 2022

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Khối/thôn | Dân số | Trẻ em dưới 16  tuổi | Trẻ em dưới 6 tuổi | Tổng số hộ gia đình | Số hộ gia  đình có trẻ em dưới 16 tuổi | Số hộ gia  đình ký cam kết đạt Ngôi nhà an  toàn | Số hộ gia  đình được công nhận Ngôi nhà an toàn |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

*…… ngày …. tháng … năm 2022*

**Người lập biểu TM. UBND XÃ TÂN THÀNH**

*(Ký, ghi rõ họ và tên) (Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 4

**ĐƠN VỊ:……………..**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM NĂM 2022

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại TNTT** | **Giới tính số mắc/ số tử vong** | | **Nhóm tuổi Số mắc/ số tử vong** | | | |
| **Nam** | **Nữ** | **0-5**  **tuổi** | **6-9 tuổi** | **10-13**  **tuổi** | **14-16 tuổi** |
| 1 | Ngã |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Bỏng/ Cháy |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tai nạn giao thông |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Ngộ độc các loại |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Cắt, đâm |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Ngạt thở, hóc nghẹn |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Súc vật cắn |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Chết đuối/đuối nước |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Bạo lực |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Bom, mìn/ Vật nổ |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Điện giật |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Các loại TNTT khác |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA Y TẾ THÔN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **TM. UBND XÃ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |